TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2019/DS-PT
Ngày: 28 - 8 - 2019
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Trúc Phương;

Ông Nguyễn Tấn Tặng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/8/2019 và 28/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2019/TLPT-DS ngày 06/5/2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227/2019/QĐ-PT ngày 27/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Trần Thanh T, sinh năm 1975;

2. Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số nhà 57/1, Tổ 8, khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền là: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà 633, đường Nguyễn Hữu Kiến, Tổ 20, ấp Hòa

Long, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T và chị Th là: Luật sư Nguyễn Hoàng Giang – Văn phòng Luật sư Hoàng Giang và Luật sư Thái Quang Trí – Văn phòng Luật sư Chính Nghĩa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tâm, cùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Lâm Thị Thanh T1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số nhà 11/8 (Số mới 690/5), đường Lạc Long Quân, Phường 9, quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị P, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Tổ 8, khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bùi Văn C, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số nhà 503, Tổ 8, Ấp 2, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bùi Thiện B, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số nhà 503, Tổ 8, Ấp 2, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1956;

5. Huỳnh Thị Thanh T2, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Số nhà 55/1, Tổ 8, khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

6. Dương Thị T3, sinh năm 1951;

7. Trần Minh Tr1, sinh ngày 24/9/2002;

Cùng địa chỉ: Số nhà 57/1, Tổ 8, khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

8. Trần Thị Bảo C, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 35, Ấp 3, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

9. Trần Thị Thu T4, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Xóm 2, Thôn 3, xã Măng Tố, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà T3, anh Tr, chị C và chị T4 là: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà 633, đường Nguyễn Hữu Kiến, Tổ 20, ấp Hòa Long, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2019).

10. Trần Ngọc Ẩ, sinh năm 1953;

11. Nguyễn Thị H, sinh năm 1955;

12. Trần Thị Ngọc P1, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số nhà 955, Tổ 8, khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

13. Dương Thừa P2, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ 5, khóm Thuận Trung, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

14. Ủy ban nhân dân thành phố C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Th1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 03, Đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hồng Th là nguyên đơn trong vụ án.

(Chị Nguyễn Ngọc D, Luật sư Nguyễn Hoàng Giang và Luật sư Thái Quang Trí có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hồng Th trình bày:

Anh chị có thửa đất số 63, tờ bản đồ số 03, do hộ anh Trần Thanh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 596,9m^2 (Gồm 300m^2 đất thổ, 296,9m^2 đất vườn), tại khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố C. Nguồn gốc là của ông ngoại anh tên Dương Hồng A chết để lại cho gia đình anh. Liền kề với thửa 63 là thửa đất số 990, tờ bản đồ số 06, diện tích

496,625m^2, tại khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố C do bà Lâm Thị Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó có diện tích 62m^2 (Ngang 2m x 31m) đo đạc thực tế là 67,6m^2 thuộc một phần thửa số 990 gia đình anh chị sử dụng làm lối đi từ nhà ra đường Lò Rèn đã trên 50 năm và trong tờ di chúc của ông bà bà T1 thì diện tích đất này được sử dụng để làm lối đi cho gia đình anh chị nên anh chị phải được đứng tên quyền sử dụng đất.

Do đó, anh chị yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 67,6m^2 thuộc một phần thửa 990, tờ bản đồ số 06, tại khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do bà T1 đứng tên và yêu cầu bà T1 giao quyền sử dụng đất lối đi diện tích 67,6m^2 trong phạm vi các mốc C, 1, 2, 3, 4, 7, B, C theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cho hộ gia đình anh chị sử dụng (Gồm Trần Thanh T, Nguyễn Hồng Th, Dương Thị T3, Trần Minh Tr, Trần Thị Bảo C, Trần Thị Thu T4). Anh chị không đồng ý trả giá trị đất cho bà Thúy.

- Bị đơn bà Lâm Thị Thanh T1 trình bày:

Bà là người đứng tên quyền sử dụng thửa đất 990, tờ bản đồ số 6, diện tích 496,8m^2 tại phường Hòa Thuận, thành phố C. Bà là người thừa kế hợp pháp của bà Dương Thị G (Mẹ đẻ của bà T1). Bà G là người thừa kế theo di chúc của cụ Dương Văn N và cụ Nguyễn Thị Đ (Ông bà ngoại của bà T1) được thực hiện khai nhận di sản đúng theo quy định pháp luật.

Đây là đất gia tộc thuộc đất vườn tạp trồng cây lâu năm không phải đất đường đi nên khi lập văn bản thừa kế, tách thửa chia cho các con (5 người) đã được cán bộ Phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C phối hợp với cán bộ địa chính phường Hòa Thuận cùng đo đạc và đã làm đầy đủ thủ tục đúng theo luật định.

Theo di chúc của cụ N và cụ Đ thì bà vẫn để 2m chiều ngang đường đi cho hộ ông T sử dụng đi bình thường không có rào chắn hay ngăn cản nên việc ông T kiện yêu cầu đòi trả lại 2m làm đường đi riêng và yêu cầu điều chỉnh diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà là không có cơ sở. Hơn nữa, giáp ranh phía sau và xung quanh đất của bà còn có một số hộ như hộ ông Nguyễn Văn Tr và vợ là bà Huỳnh Thị Thanh T2, hộ ông Bùi Văn C, hộ bà Nguyễn Thị P (Út P) cũng đi qua đất của bà và bà vẫn để cho họ đi bình thường. Tuy nhiên, anh T cho đây là lối đi riêng của gia đình anh T nên thường hay gây

khó khăn các hộ trên và đã xây tường rào bằng gạch cao 2m để ngăn và bít lối đi của các hộ này. Sự việc đã được Ban nhân dân Khóm và UBND phường Hòa Thuận giải quyết cho tháo dỡ.

Do đó, bà không đồng ý việc đòi lối đi riêng của hộ anh T vì bà vẫn để cho đi bình thường, không rào chắn, ngăn cấm. Bà đã thực hiện theo di chúc là vẫn chừa bề ngang 2m đường đi cho hộ anh T sử dụng. Nếu bà có nhu cầu cất nhà hay chuyển nhượng đất thì bà vẫn chừa 2m chiều ngang để làm lối đi chung. Hơn nữa, nếu thực hiện theo di chúc thì di chúc để lại cho cụ Dương Hồng A chứ không phải để lại cho ông Trần Thanh T. Cụ Dương Hồng A chết không để lại di chúc thì hàng thừa kế thứ nhất thừa kế mới đúng luật và giữa anh T và hàng thừa kế thứ nhất của ông A đã từng được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử việc tranh chấp thừa kế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị T3 (Mẹ anh T), anh Trần Minh Tr (Con anh T), chị Trần Thị Bảo C (Em anh T) và chị Trần Thị Thu T4 (Em anh T) trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của anh T chị Th, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 67,6m^2 và yêu cầu bà Thúy trả quyền sử dụng đất lối đi 67,6m^2 thuộc thửa 990, tờ bản đồ số 06, đất tại phường Hòa Thuận, thành phố C do bà Lâm Thị Thanh T1 đứng tên cho hộ gia đình ông T gồm ông T, bà Th, bà T3, anh Tr, chị C và chị T1 được đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Bà Huỳnh Thị Thanh T2, ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị P trình bày:

Đã thỏa thuận xong với bà T về việc sử dụng lối đi. Việc tranh chấp của anh T với bà T1 các ông bà không có ý kiến, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Bùi Văn C, Bùi Thiện B có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần Ngọc Ẩ, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị Ngọc P1, ông Dương Thừa P2 và ông Nguyễn Văn Tr1:

Không có ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân thành phố C:

Không có ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Hồng Th về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bà T1 trả quyền sử dụng đất lối đi 67,6m^2 theo các mốc C, 1, 2, 3, 4, 7, B, C (Theo bản đồ đo đạc ngày 06/12/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C), thuộc một phần thửa 990, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại phường Hòa Thuận, thành phố C, Đồng Tháp.

Hộ ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Hồng Th được tiếp tục sử dụng lối đi thuộc một phần thửa 990, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại phường Hòa Thuận, thành phố C, Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/3/2019 anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hồng Th làm đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

+ Công nhận quyền sử dụng đất lối đi ngang 02m x dài một cạnh 29,44m, một cạnh 29,47m, diện tích 67,6m^2, thuộc thửa 990, tờ bản đồ số 6, đất tại phường Hòa Thuận, thành phố C do hộ bà Lâm Thị Thanh T1 đứng tên cho hộ anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hồng Th được đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 67,6m^2, thuộc thửa 990, tờ bản đồ số 6, đất tại phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh do hộ bà Lâm Thị Thanh T1 đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhan về nội dung giải quyết của vụ án.

Các vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T và chị Thơ phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh T và chị Th, sửa bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Tâm và chị Thơ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Dương Văn N và cụ Nguyễn Thị Đ chết để lại. Căn cứ vào "Tờ di chúc cho con" ngày 12/5/1983 của cụ N và cụ Đ có thể hiện nội dung:

"*Nay vợ chồng tôi tuổi đã già mất sức lao động. Có một miếng đất nay nhượng lại cho hai con.*

Con trai là Dương Hồng A được hưởng từ mí hầm trở xuống.

Người con gái Dương Thị G từ mí hầm trở lên. Phần của con gái phải chừa đường 2 thước để làm đường đi ra vào".

Như vậy, trong di chúc chỉ thể hiện bà G phải chừa 2 thước để làm đường đi ra vào mà không phải là chừa 2 thước cho ông A hoặc người khác. Trong quá trình sử dụng đất bà T1 đã thực hiện theo di chúc của cụ N và cụ Đ là chừa 2m chiều ngang để làm lối đi cho hộ anh T sử dụng nên việc anh T, chị Th tranh chấp yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 67,6m^2 trong phạm vi các mốc C, 1, 2, 3, 4, 7, B, C thuộc thửa 990, tờ bản đồ số 06, đất tại phường Hòa Thuận, thành phố C do bà T1 đứng tên để hộ anh T được đứng tên quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Đồng thời, lối đi này hiện nay vẫn sử dụng làm lối đi chung cho hộ anh T và các hộ phía sau, bà T1 không rào chắn hay ngăn cấm.

Việc anh T và chị Th cho rằng trong tờ di chúc của cụ N và cụ Đ thì diện tích đất tranh chấp nêu trên được sử dụng để làm lối đi cho gia đình của anh T chị Th nên anh chị phải được đứng tên quyền sử dụng đất. Nhưng anh chị

không có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh chị là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Xét ý kiến của các vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của của anh T và chị Th, sửa bản án sơ thẩm là chưa phù hợp như đã nhận định ở trên nên không chấp nhận.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T và chị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận kháng cáo của anh T và chị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc thi hành án Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Do không chấp nhận kháng cáo của anh T và chị Th nên anh chị phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203, Điều 166 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hồng Th.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hồng Th về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bà Lâm Thị Thanh T1 trả quyền sử dụng đất lối đi 67,6m^2 trong phạm vi

các mốc C, 1, 2, 3, 4, 7, B, C, thuộc một phần thửa 990, tờ bản đồ số 06, do bà Lâm Thị Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Thuận, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị Thanh T1 đồng ý cho hộ anh Trần Thanh T (Gồm Trần Thanh T, Nguyễn Hồng Th, Dương Thị T3, Trần Minh Tr, Trần Thị Bảo C, Trần Thị Thu T2) được tiếp tục sử dụng lối đi 67,6m^2 trong phạm vi các mốc C, 1, 2, 3, 4, 7, B, C, thuộc một phần thửa 990, tờ bản đồ số 06, do bà Lâm Thị Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Thuận, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Hộ anh Trần Thanh T (Gồm Trần Thanh T, Nguyễn Hồng Th, Dương Thị T3, Trần Minh Tr, Trần Thị Bảo C, Trần Thị Thu T2) được tiếp tục sử dụng lối đi 67,6m^2 trong phạm vi các mốc C, 1, 2, 3, 4, 7, B, C, thuộc một phần thửa 990, tờ bản đồ số 06, do bà Lâm Thị Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Thuận, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự không được sử dụng đất lối đi nêu trên gây cản trở việc đi lại.

(Kèm theo Bản đồ đo đạc và Sơ đồ mốc hiện trạng đất tranh chấp giữa ông Trần Thanh T và bà Lâm Thị Thanh T1 ngày 08/3/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

7. Về án phí:

Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hồng Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 08600 ngày 14/3/2017, 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0005333 ngày 18/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Anh T và chị Th được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 04779 ngày 06/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hồng Th phải chịu 3.822.000 đồng. (Anh T và chị Th đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt